

NGHI THỨC TRÌ TỤNG HÀNG NGÀY DÀNH CHO PHẬT TỬ TẠI GIA

Biên soạn: Trần Ngọc Nguyên

(Tổng hợp và biên soạn dựa theo nghi thức của Chân Ngôn Tông – Nhật Bản)



○ PHỒ LỄ

*Như Lai ba đời ở mười phương
Biển Từ Bi làm nơi nương dựa
Lửa Trí Tuệ phá tan phiền não
Nay dưới chân Ngài, con đánh lễ*

OM SARVA TATHĀGATA PĀDA VANDĀNĀM KAROMI

○ SÁM HỐI VẤN

*Xưa con tạo bao nhiêu nghiệp ác
Đều do Vô Thủy Tham Sân Si
Từ Thân Lời Ý phát sanh ra
Nay tất cả con xin sám hối*

OM SARVA PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA SVĀHĀ

○ TAM QUY Y

Đệ tử ... từ đời hiện tại đến tận cùng đời vị lai, nguyện xin

Quy y Phật

OM NAMO BUDDHĀYA

Quy y Pháp

OM NAMO DHARMĀYA

Quy y Tăng

OM NAMO SAṄGHĀYA

○ TAM CÁNH

Đệ tử ... từ đời hiện tại đến tột cùng đời vị lai
đã Quy y Phật rồi

BUDDHAṀ ŚARAṆAṀ GACCHĀMI

đã Quy y Pháp rồi

DHARMAṀ ŚARAṆAṀ GACCHĀMI

đã Quy y Tăng rồi

SAṄGHAṀ ŚARAṆAṀ GACCHĀMI

○ THẬP THIỆN GIỚI (**Daśakuśalakarmāṇi**)

Đệ tử ... từ đời hiện tại đến tột cùng đời vị lai, nguyện vâng giữ Pháp học

*Không sát sanh (**Pāṇātipātā paṭivirati**)*

*Không trộm cắp (**Adattādānādvirati**)*

*Không tà dâm (**Kāmamithyācārādvirati**)*

*Không nói lời hư dối (**Mṛṣāvādātvirati**)*

*Không nói lời lừa dối chiều (**Paisunyātvirati**)*

*Không nói lời hung ác (**Pāruṣyātpativirati**)*

*Không nói lời phù phiếm (**Sambinnapralāpātpativirati**)*

*Không tham dục (**Abhidhyāyāḥprativirati**)*

*Không sân hận (**Vyāpādātpativirati**)*

*Không si mê (**Mithyādrṣṭi-prativirati**)*

○ PHÁT BỎ ĐỀ TÂM CHÂN NGÔN

Tâm Tĩnh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên

Nay con phát khởi cứu quần sinh

Sinh khổ đặng tập gây triền nhiễu

Cùng với Vô Tri hại đến thân

Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát

Thường làm lợi ích các Hàm Thức

OM BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

○ TAM MUỘI DA GIỚI CHÂN NGÔN

Con nguyện thể nhập vào

Giới nguyện Tam muội da

Học hạnh Phật Bồ Tát

Để quán chiếu tự thân

Tìm ra được chính mình

Tự Giác rồi Giác Tha

Tất cả đều viên mãn

OM SAMAYA STVAṀ

○ KHAI KINH KỆ

*Pháp vô thượng thâm sâu vi diệu
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp tìm
Nay con thấy nghe xin thọ trì
Nguyện giải Như Lai nghĩa chân thực*

○ PHẬT THUYẾT MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành và xem xét kỹ về hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu. Ngài soi thấy tự tính của nhóm năm uẩn đều trống rỗng.

Ngài bảo ông Xá Lợi Tử rằng: “Hình chất là trống rỗng, tính trống rỗng cũng là hình chất. Hình chất chẳng khác với tính trống rỗng, tính trống rỗng chẳng khác với hình chất. Chính hình chất là tính trống rỗng, chính tính trống rỗng là hình chất. Bốn uẩn: Cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức cũng đều như vậy.

Này Xá Lợi Tử! Tính trống rỗng của tất cả Pháp vốn không có tướng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng cấu nhiễm chẳng lia cấu nhiễm, chẳng giảm bớt chẳng tăng thêm. Chính vì thế cho nên trong tính trống rỗng ấy không có hình chất, không có cảm giác, không có tri giác, không có hoạt động tâm ý, không có nhận thức. Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, Pháp cảnh. Không có giới của mắt cho đến không có giới nhận biết của ý. Không có vô minh cũng không có chấm dứt vô minh, cho đến không có già chết cũng không có chấm dứt già chết. Không có: khổ não, nguyên nhân kết tạo khổ não, trạng thái xóa bỏ khổ não, đường lối thoát khỏi khổ não. Không có Trí, không có đắc, không có chứng.

Như vậy! Nhờ không có sở đắc mà các vị Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa nên không có tâm chướng ngại. Do không có tâm chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi sự điên đảo, cuối cùng đạt được Niết Bàn. Hết thấy chư Phật ba đời đều y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa mà chứng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Vì thế nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là lời chú nguyện to lớn, là lời chú nguyện rất sáng tỏ, là lời chú nguyện vô thượng, là lời chú nguyện không có gì sánh bằng hay chận đứng tất cả khổ não và đây là sự chân thật không giả dối.

Cho nên nói BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA GIẢI THOÁT CHÚ. Liền nói Chú là:

GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ

○ NGŨ ĐẠI NGUYỆN

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
Phước trí vô biên thế nguyện tập
Pháp môn vô biên thế nguyện học
Như Lai vô biên thế nguyện sự
Bồ Đề vô thượng thế nguyện chứng*

o THẬP TAM TÔN

1. BÁT ĐỘNG MINH VƯƠNG (**Acala vidya-rāja**)

Mắt Từ bình đẳng nhìn chúng sanh
Hiện tướng phẫn nộ Đại Minh Vương
Băm sáu (36) Đồng Tử làm quyến thuộc
Phá nát Tâm ác trong nhân gian

**NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM
TRĀṬ HĀM MĀM**

2. THÍCH CA NHƯ LAI (**Śākya-muṇi tathāgata**)

Sắc thân Thế Tôn như núi vàng
Lại như nhật nguyệt soi thế gian
Chuyển hóa tất cả các khổ não
Hàng phục hết thảy chúng ma quân

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM BHAḤ

3. VĂN THÙ BỒ TÁT (**Mañjuśrī bodhisattva**)

Bậc Thầy của ba đời chư Phật
Trí Nguyên rộng lớn khó nghĩ bàn
Nước Ngài vô tận trùm các cõi
Đương lai, hiệu **Phổ Hiện Như Lai**

OM A RA PA CA NA

4. PHỔ HIỀN BỒ TÁT (**Samanta-bhadra bodhisattva**)

Voi trắng sáu ngà lấy làm tòa
Hạnh lành trùm khắp trang nghiêm thân
Trưởng tử Như Lai nơi Hoa Tạng
Biển thân khắp cả các cõi trần

OM SAMAYA STVAḤ

5. ĐIÀ TANG BỒ TÁT (**Kṣiti-garbha bodhisattva**)

Tay Tích Trượng chấn hưng Phật Pháp
Tay Bảo Châu phá chướng trừ mê
Địa Ngục chưa rộng chưa thành Phật
Con nay đánh lễ Đại Nguyên Vương

OM HA HA HA VISMAYE SVĀHĀ

6. DILÁC BỒ TÁT (**Maitreya bodhisattva**)

Đại sĩ từ lâu đã chứng giác
Vì lợi hữu tình ngự Đâu Suất
Ngày đêm không ngừng chuyển Pháp luân
Ba hội Long Hoa độ không cùng

OM MAITREYA SVĀHĀ

7. DƯỢC SƯ NHƯ LẠI (**Bhaiṣajya tathāgata**)

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

Dùng ánh hào quang độ chúng sinh

Mười hai nguyện lớn in Pháp giới

Dắt dìu muôn loài đến Chân Như

OM HULU HULU CAṆḌALI MATAṄGI SVĀHĀ

8. QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT (**Avalokiteśvara bodhisattva**)

Trên đầu là đấng Vô Lượng Quang

Xưa là Chánh Pháp Minh Như Lai

Vì Bi nguyện hiện ngàn tay mắt

Cứu khổ chúng sinh chẳng chút ngừng

OM AROLIK SVĀHĀ

9. ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT (**Sthāma-prāpta bodhisattva**)

Bình bấu nơi mào hiện hạnh Phật

Một lỗ chân lông khắp mười phương

Bước chân rung chuyển các cõi đất

Rộng tiếp người tu về Tịnh Thổ

OM SAṂ JAṂ JAṂ SAḤ SVĀHĀ

10. A DI ĐÁ NHƯ LẠI (**Amitābha tathāgata**)

Các Đức nghiêm thân không thể đếm

Hào quang chiếu khắp quá mười phương

Nguyện lớn vun bồi xây Tịnh Độ

Cam Lộ bất tử rưới muôn phương

OM AMṚTA TEJE HARA HŪṂ

11. BÁT ĐỘNG NHƯ LẠI (**Akṣobhya tathāgata**)

Bất Động Như Lai tại phương Đông

Chuyển hóa Sân hận nơi tâm thức

Độ khắp chúng sanh trong Tam giới

Lập cảnh giới Diệu Hỷ nhiệm màu

OM AKṢOBHYA HŪṂ

12. ĐẠI NHẤT NHƯ LẠI (**Vairocana tathāgata**)

Hoa Tạng thế giới trang nghiêm khắp

Thân là Pháp giới trùm ba cõi

Hay chuyển hóa cứu thức Vô Cấu

Chúng sinh đồng chứng tánh Tỳ lô

OM A VI RA HŪṂ KHAṂ OM VAJRA-DHĀTU VAṂ

13. HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT (*Ākāśa-garbha bodhisattva*)

Thiền Định như biển, Tịnh Giới chắc

Nhẫn như Kim Cang, Tuệ hà sa

Biến hóa Ngũ Đại Hư Không Tạng

Phước Trí vô lượng độ chúng sinh

NAMO ĀKĀŚA-GARBHĀYA OM ARI KAMARI MURI SVĀHĀ

○ QUANG MINH CHÂN NGÔN

Quy mạng kính lễ

Đại Nhật Như Lai

Thân rực sắc vàng

Phóng tỏa ánh sáng

Hiện sức Uy Thần

Gia hộ cho con

Giáng phục niệm Tà

Sinh Tâm thanh tịnh

Đắc được Bồ Đề

OM AMOGHA VAIROCANA MAHĀ-MUDRA MAṆI-PADMA JVALA

PRAVARTTAYA HŪM

Do sức Chân Ngôn này

Sức chú Phật gia trì

Cùng với sức Pháp giới

Nguyện viên thành mong cầu

○ BẢN TÔN THÁNH HIỆU

Nam mô Bản Tôn Giới Hội

○ TÔNG TỔ THÁNH HIỆU

Nam mô Đại Sư Biến Chiếu Kim Cang

○ TRUNG HƯNG THÁNH HIỆU

Nam mô Hưng Giáo Đại Sư

*) Một số nghi thức có trì tụng thêm phần tụng kệ Quán Thế Âm Bồ Tát Phẩm Phổ Môn thứ XXV, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

○ TIÊN TỔ

Nguyện hồi hướng Tiên Tổ

Tất cả các Tinh Linh

Nương nhờ lực Tam Bảo

Tiêu trừ các nghiệp ác

Tăng trưởng các nghiệp lành

Phát khởi Tâm Giải Thoát

Nương tựa nơi Tam Bảo

Sanh về cõi An Lạc

○ HỒI HƯỚNG VĂN

*Nguyện đem công đức này
Tiêu trừ nghiệp xưa nay
Tăng trưởng các Phước Tuệ
Viên thành căn Thánh Thiện
Bao nhiêu kiếp đao binh
Cùng với nạn đói khát
Đều tiêu sạch không còn
Nhân danh tập lễ tán
Tất cả giúp thành người
Người xoay chuyển lưu thông
Quyển thuộc nay an lạc
Tiên vong được siêu thăng
Mưa gió thường thuận hòa
Nhân dân đều Khang Ninh
Pháp Giới các hàm thức
Đồng chứng đạo Vô Thượng
_Nguyện chúng sinh thường được an vui
Nguyện chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện chúng sinh đồng thành Phật Đạo*

○ BỔ KHUYẾT CHÂN NGÔN

OM DHURU DHURU JAYE MUKHE SVĀHĀ

○ LỄ VĂN

*Công Đức Trì Tụng, hạnh thù thắng
Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng
Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
Mau lìa khổ não đến Bồ Đề*
NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO

25/06/2015

*) Phần niệm danh hiệu Trung Hưng Đại Sư thuộc các phái theo hệ Tân Nghĩa

*) Tham khảo & Trích lục:

- *Chân Ngôn Tông tại gia Phật tiền căn hành thứ đệ – Phong Sơn Phái*
- *The Shingon School Layperson*
- *Shingon Buddhist Service*
- *Bát Nhã Tâm Kinh – Huyền Thanh*
- *Quang Minh Chân Ngôn – Huyền Thanh*

*) Ghi chú ý nghĩa các bài chân ngôn:

1) Phổ lễ chân ngôn:

OM SARVA TATHĀGATA PĀDA VANDĀNĀM KAROMI

OM: Nhiếp triệu Thân Khẩu Ý

SARVA: Tất cả

TATHĀGATA: Như Lai

PĀDA: Cái chân

VANDĀNĀM: Cúi lạy

KARA: Làm, thực hiện

UMI: Tôi

(KARA+UMI= KAROMI)

2) Sám hối phương tiện chân ngôn:

OM SARVA PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA SVĀHĀ

OM: Nhiếp triệu

SARVA: Tất cả

PĀPA: Tội cấu

SPHAṬ: Phát nát

DAHANA: Thiêu hủy, đốt cháy

VAJRĀYA: Đắc được tính bền chắc của Kim Cương

SVĀHĀ: Thành tựu cát tường

3) Tam Quy Y:

OM NAMO BUDDHĀYA

OM NAMO DHARMĀYA

OM NAMO SAṅGHĀYA

OM: Nhiếp triệu

NAMO: Quy mệnh, nương tựa

BUDDHĀYA: Chư Phật đấng

DHARMĀYA: Chư Pháp đấng

SAṅGHĀYA: Chư Tăng đấng

BUDDHAM ŚARAṆAM GACCHĀMI: Con xin quy y Phật

DHARMAM ŚARAṆAM GACCHĀMI: Con xin quy y Pháp

SAṅGHAM ŚARAṆAM GACCHĀMI: Con xin quy y Tăng

4) Phát Bồ Đề Tâm chân ngôn:

OM BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

OM: Nhiếp triệu

BODHICITTAM: Tâm Bồ Đề

UTPĀDA: Phát khởi, sinh ra

YĀMI: Tôi nay

5) Tam Muội Da Giới chân ngôn:

OM SAMAYA STVAM

OM: Quy mạng

SAMAYA: Giới nguyện
STVAM: chữ Chủng tử

6) Bát Nhã Ba La Mật Đa chân ngôn:

GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ

GATE: Vượt qua

PĀRAGATE: Vượt qua bờ bên kia

PĀRASAMGATE: Vượt qua bờ bên kia hoàn toàn

BODHI: Tuệ Giác, Trí Giác

SVĀHĀ: Thành tựu cát tường

7) Bất Động Tử Cứu chú:

**NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRĀṬ
HĀM MĀM**

NAMAḤ: Quy mạng

SAMANTA-VAJRĀNĀM: Tất cả đấng Kim Cương

CAṆḌA: Bạo ác

MAHĀ-ROṢAṆA: Đại Phẫn nộ

SPHAṬYA: Phá hoại

HŪM: Khủng bố

TRĀṬ: Tàn hại phá Chướng

HĀM MĀM: chữ Chủng tử

8) Thích Ca Mâu Ni Phật chân ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM BHAḤ

NAMAḤ: Quy mạng

SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Tất cả chư Phật

BHAḤ: chữ Chủng tử

9) Ngũ tự Văn Thù chân ngôn:

OM A RA PA CA NA

OM: Nhiếp triêu

A RA PA CA NA: 5 chữ Chủng tử

10) Phổ Hiền Bồ Tát chân ngôn:

OM SAMAYA STVAM

OM: Quy mạng

SAMAYA: Giới nguyện

STVAM: chữ Chủng tử biểu thị cho sự thể nhập, thống nhất, hiện thân

11) Địa Tạng Bồ Tát Thông Hành Chi chân ngôn:

OM HA HA HA VISMAYE SVĀHĀ

OM: Quy mạng

HA HA HA: lìa khỏi ba Nhân

VISMAYE: Hiếm có

SVĀHĀ: Thành tựu cát tường

12) Từ Thị Bồ Tát chân ngôn:

OM MAITREYA SVĀHĀ

OM: Quy mạng

MAITREYA: Từ Thị

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

13) Dược Sư Phật Tâm chú:

OM HULU HULU CAṄḌALI MATANĠGI SVĀHĀ

OM: Tam thân quy mạng

HULU HULU: cực kỳ nhanh chóng, cực kỳ hỷ lạc

CAṄḌALI: Tướng bạo ác

MATANĠGI: Voi chúa

SVĀHĀ: Thành tựu cát tường

14) Quán Tự Tại Bồ Tát chân ngôn:

OM AROLIK SVĀHĀ

OM: Nhiếp lấy, thâm nhập vào

AROLIK: Trí tịch tĩnh bình đẳng vô nhiễm trước của tất cả Như Lai

SVĀHĀ: Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

15) Đại Thế Chí Bồ Tát chân ngôn:

OM SAM JAM JAM SAḤ SVĀHĀ

OM: Nhiếp triệu

SAM JAM JAM SAḤ: chữ Chung tử biểu thị cho sự loại bỏ phiền não

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

16) A Di Đà Tâm chú:

OM AMṚTA TEJE HARA HŪM

OM: Nhiếp triệu Thân Khẩu Ý

AMṚTA: Cam Lộ Bất Tử

TEJE: Uy Quang

HARA: Thâu nhiếp

HŪM: Thành tựu mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

17) A Súc Bệ Phật Tâm chú:

OM AKṢOBHYA HŪM

OM: Quy mạng

AKṢOBHYA: Bất Động Phật

HŪM: Thành tựu Tâm Bồ Đề

18) Đại Nhật Như Lai Thai Tạng Giới chân ngôn:

OM A VI RA HŪM KHAM: Báo Thân Chân Ngôn

_Đại Nhật Như Lai Kim Cang Giới chân ngôn:

OM VAJRA-DHĀTU VAṂ

OM: Quy mạng
VAJRA-DHĀTU: Kim Cương Pháp Giới
VAM: chữ Chủng tử

19) Năng Mãn Chư Nguyệt Hư Không Tạng Bồ Tát Tối Thắng Tâm Đà Là Ni (Cầu Văn Trì Pháp chân ngôn):

NAMO ĀKĀŚA-GARBHĀYA OM ARI KAMARI MURI SVĀHĀ

NAMO: Quy mạng

ĀKĀŚA-GARBHĀYA: Hư Không Tạng đấng

OM: Nhiếp triệu

ARI: gắn liền, đeo mang, nắm giữ

KAMARI: Vòng hoa, sự chiến thắng

MURI: Vương miện báu

SVĀHĀ: Thành tựu cát tường

20) Quang Minh chân ngôn:

**OM AMOGHA VAIROCANA MAHĀ-MUDRA MAṆI-PADMA JVALA
PRAVARTTAYA HŪM**

OM: Quy mạng

AMOGHA: Bất Không

VAIROCANA: Đại Nhật Như Lai

MAHĀ-MUDRA: Đại Ấn

MAṆI: Viên ngọc báu

PADMA: Hoa sen

JVALA: Quang minh

PRAVARTTAYA: Phát sinh, chuyển, tiến hành

HŪM: Năng phá, mãn nguyện

21) Bồ Khuyết chân ngôn:

OM DHURU DHURU JAYE MUKHE SVĀHĀ

OM: Cảnh giác Thân Khẩu Ý

DHURU DHURU: Lóe sáng, lóe sáng

JAYE MUKHE: Thắng Môn

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu